

Bản án số: 566/2024/KDTM-ST

Ngày: 22/02/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
thi công”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/02/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 145/2023/TLST-KDTM ngày 11/5/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 429/2024/QĐST-KDTM ngày 25/01/2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 430/2024/QĐXXST-KDTM ngày 25/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1;

Địa chỉ trụ sở: Số F Đường số A, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1982 – Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc;

Địa chỉ thường trú: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Trương Thanh T, sinh năm 1973 (Có Đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định;

Bị đơn:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn X;
Địa chỉ trụ sở: Số A đường V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: T2-A09.06 Chung cư M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty Cổ phần M;

Địa chỉ trụ sở: Số B đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Bà Mạc Thị C, sinh năm 1992 – Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ thường trú: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty:

Ông Nguyễn Duy Q, sinh năm 1986 (Có Đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ liên hệ: Số H đường H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn K;

Địa chỉ trụ sở: Lầu A, Tòa nhà H, số C đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Ông Stephen Lim Hock C1, sinh năm 1956 – Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ liên hệ: P, Tầng A, Tháp R, Cao ốc E, số I Đường B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty:

Ông Nguyễn Ngọc Minh S, sinh năm 1988 (Có Đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số I Đường A, Khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/7/2023, Đơn xin vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – Ông Trương Thanh T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (sau đây gọi tắt là Công ty X) đã ký kết Hợp đồng thi công số 11/2022/HDTC-ADR ngày 21/10/2022 với nội dung thi công hoàn thiện giai đoạn 2 cho Công trình Maison De B tại số B đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị hợp đồng là 855.739.512 đồng, việc thanh toán được chia làm 05 đợt tương ứng với từng giai đoạn thi công. Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Công ty X đã thanh toán đợt 1 cho Công ty T1 với số tiền 256.721.853 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 đã thi công các hạng mục công trình theo thỏa thuận của đợt thanh toán số 2 và số 3. Công ty T1 đã gửi hồ sơ thanh toán và nhiều lần đề nghị Công ty X thanh toán đợt số 2 và số 3 với tổng

số tiền 324.025.948 đồng, trong đó đợt số 2 là 171.147.902 đồng, đợt số 3 là 152.878.046 đồng. Tuy nhiên, Công ty X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thỏa thuận tại khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn X thực hiện nghĩa vụ thanh toán đợt 2, đợt 3 với tổng số tiền là 324.025.948 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn X và người đại diện theo pháp luật của bị đơn – ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

Theo Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M – Ông Nguyễn Duy Q1 trình bày:

Công trình Maison De B tại số B đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty M là Chủ đầu tư và Nhà thầu thi công là Công ty Trách nhiệm hữu hạn K. Hiện nay, Công trình đã hoàn thành, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Công ty M xác định không liên quan đến tranh chấp giữa Công ty T1 và Công ty X nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Công ty M đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo Bản tự khai, Đơn xin vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K – Ông Nguyễn Ngọc Minh S trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn K và Công ty X có ký kết Hợp đồng thi công và hoàn thiện nội thất tại Dự án Công trình Maison De Bijoux, địa chỉ: số B đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, các hạng mục thi công theo Hợp đồng thi công giữa Công ty K và Công ty X đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, không có tranh chấp về khối lượng thi công, trách nhiệm công trình. Ngoài ra, Công trình Maison De B đã hoàn thành, được nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Do đó, Công ty K xác định không liên quan, không có yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa Công ty T1 và Công ty X nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Ngày 21/10/2022 Công ty T1 ký Hợp đồng thi công hạng mục: Thi công hoàn thiện giai đoạn 2 cho Công trình M1 out tại 2C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng thi công số 11/2022/HDTTC-ADR với

Công ty TNHH X với giá trị hợp đồng là 885.739.512 đồng. Công ty X đã thanh toán đợt 1 cho Công Ty T1 số tiền 256.721.853 đồng.

Căn cứ Điều 3 của hợp đồng thi công; Biên bản xác nhận công nợ ngày 14/3/2023 số tiền thanh toán đợt 2 là 171,147,902 đồng, và căn cứ Biên bản số 01/ADR/PT/HTDVSD ngày 19/4/2023 về nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng; Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2023 thể hiện Công ty T1 đã hoàn thành thi công giai đoạn 2, 3 theo thỏa thuận của hợp đồng, hiện nay công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Do đó có cơ sở xác định Công ty T1 đã thi công và hoàn thành công trình đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, nên Công ty X có trách nhiệm thanh toán tiền giai đoạn 2, 3 cho Công ty T1.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 351, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 297 Luật Thương mại năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH X thanh toán cho Công ty TNHH T1 số tiền thi công giai đoạn 2: 171.147.902 đồng, giai đoạn 3: 152.878.046 đồng. Tổng cộng: 324.025.948 đồng.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) khởi kiện bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn X (sau đây gọi tắt là Công ty X), địa chỉ trụ sở: Số A đường V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 324.025.948 đồng theo Hợp đồng thi công số 11/2022/HDTC-ADR ngày 21/10/2022. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “*tranh chấp hợp đồng thi công*” giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Mặt khác, tại điểm a Điều 7 của Hợp đồng thi công số 11/2022/HDTC-ADR ngày 21/10/2022 có nội dung “*Trường hợp tranh chấp không giải quyết bằng thảo luận bình đẳng, hai bên đồng ý yêu cầu sự phân xử của Tòa án kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*”, xét thấy nội dung thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của các bên không phù hợp với quy định pháp luật. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn - Công ty T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty M, Công ty K có Đơn xin vắng mặt.

Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin doanh nghiệp ngày 30/3/2023 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313199792 ngày 07/4/2015, sửa đổi ngày 09/11/2022 thể hiện tại thời điểm Tòa án tiến hành giải quyết vụ án thì bị đơn – Công ty X vẫn còn hoạt động, chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động, chuyển đổi loại hình hay sáp nhập, chia tách doanh nghiệp. Căn cứ kết quả xác minh theo Công văn số 2761/TATPTĐ ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xác minh người đại diện theo pháp luật của bị đơn – Ông Nguyễn Văn H đã vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, không rõ nơi chuyển đến và không rõ thời gian trở về. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 178, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ trụ sở của bị đơn và địa chỉ thường trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án.

Do đó, căn cứ các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày ngày 04/01/2024. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Trương Thanh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó, căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Đương sự khởi kiện có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình có căn cứ và hợp pháp, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó và chịu trách nhiệm về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của mình theo quy định tại Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia quá trình giải quyết vụ án và cung cấp các chứng cứ, tài liệu liên quan nhưng vắng mặt, phải chịu trách nhiệm vì sự vắng mặt của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ Hợp đồng thi công số 11/2022/HDTTC-ADR ngày 21/10/2022 giữa Công ty T1 và Công ty X về việc thi công hoàn thiện giai đoạn 2 cho công trình Maison D tại số B đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, việc các bên xác lập hợp đồng thi công là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật phù hợp với các quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 385, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138, Điều 139 Luật Xây dựng năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm các 2016, 2018, 2019, 2020. Do đó, Hợp đồng thi công số 11/2022/HDTTC-ADR ngày 21/10/2022 có hiệu lực và có giá trị ràng buộc các bên.

[4.2] Về yêu cầu thanh toán đợt 2, đợt 3 với tổng số tiền 324.025.948 đồng, trong đó đợt số 2 là 171.147.902 đồng, đợt số 3 là 152.878.046 đồng theo Hợp đồng thi công số 11/2022/HDTTC-ADR ngày 21/10/2022:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng thi công số 11/2022/HDTTC-ADR ngày 21/10/2022; Biên bản xác nhận công nợ ngày 14/3/2023; Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng số 01/ADR/PT/HTDVSD ngày 19/4/2023, Giấy đề nghị thanh toán, Hóa đơn giá trị gia tăng, Hội đồng xét xử xác định Công ty T1 đã thực hiện việc thi công các hạng mục công trình của đợt thanh toán số 2, số 3 và thực hiện việc gửi hồ sơ đề nghị thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng với tổng giá trị các hạng mục thi công là 324.025.948 đồng, trong đó đợt số 2 là 171.147.902 đồng, đợt số 3 là 152.878.046 đồng. Mặt khác, căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2023, Biên bản nghiệm thu ngày 29/11/2022, các Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 02/11/2022, ngày 01/12/2022, ngày 06/01/2023 giữa Công ty X và Công ty K xác định các hạng mục thi công tại Công trình Maison De B được hoàn thành, được nghiệm thu, đưa vào sử dụng và Công ty K đã thanh toán cho Công ty X. Chính vì những lẽ đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc Công ty X không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 là vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T1 nên cần buộc Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 324.025.948 đồng theo quy định tại các Điều 280, Điều 410 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014 sửa đổi, bổ sung các năm 2016, 2018, 2019, 2020.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu của Công ty T1 được chấp nhận, căn cứ các Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty T1 đã thực hiện việc tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo Phiếu thu số 333 ngày 23/11/2023. Do đó, Công ty X phải hoàn trả lại cho Công ty T1 số tiền 5.000.000 đồng.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 178, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 116, Điều 117, Điều 280, Điều 385, Điều 401, Điều 410 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 138, Điều 139, Điều 144 Luật Xây dựng năm 2014 sửa đổi, bổ sung năm 2016, 2018, 2019, 2020;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q2;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1: Buộc bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải thanh toán số tiền 324.025.948 đồng.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức, lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải hoàn trả lại cho nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền 5.000.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho nguyên đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.100.649 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0003193 ngày 28/4/2023, Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0004294 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.201.297 đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi Cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hiếu